

PHẦN II THỰC TIỄN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CƠ QUAN NGHIÊN CỨU

**CHIA SẺ NGUỒN LỰC THÔNG TIN - KINH NGHIỆM THƯ VIỆN MỸ
VÀ GIẢI PHÁP CHO THƯ VIỆN VIỆT NAM**

TS. Nguyễn Huy Chương

ThS. Trần Thị Phương

Trung tâm Thông tin-Thư viện, ĐHQGHN

I. Đặt vấn đề

Nguồn lực là đầu vào cho tất cả các quá trình hoạt động của con người trong tất cả các lĩnh vực. Một trong những đặc điểm của nguồn lực là tính khan hiếm. (được hiểu như sự thiếu các yếu tố đầu vào cho một quá trình hoạt động cụ thể nào đó). Nguồn lực thông tin-thư viện cũng không là một ngoại lệ. Sự thiếu các yếu tố đầu vào đã tạo ra một thực tế cần được giải quyết, đó là chia sẻ nguồn lực. Xét về mặt tổ chức, sự chia sẻ nguồn lực là sự tích hợp khả năng đầu vào của các đơn vị hoạt động trong cùng một lĩnh vực cụ thể nào đó, ví dụ như lĩnh vực thông tin-thư viện. Xét về mặt quản lý, chia sẻ nguồn lực là biểu hiện của một quá trình ra quyết định dựa trên cơ sở lựa chọn các giải pháp tốt nhất cho một hoạt động. Như vậy chia sẻ nguồn lực liên quan chủ yếu đến hai hoạt động là tổ chức và quản lý. Nói một cách nôm na, chia sẻ nguồn lực là quá trình tạo mạng hoạt động (networking) nhằm huy động một cách tối đa các tiềm năng có thể về thông tin của các thư viện trực thuộc mạng. Chia sẻ nguồn lực còn có nghĩa là sự kết tụ năng lực quản lý của các nhà quản lý mạng thông tin-thư viện nhằm tạo ra một sức mạnh thông tin mới lớn hơn gấp nhiều lần các sức mạnh riêng lẻ. Có thể mừng tởng về quá trình này như một quá trình phối hợp sức mạnh quản lý theo cách nói của người Anh "Two heads are better than one" hay theo cách nói của người Việt "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

Chúng tôi quay trở lại khái niệm đã nói ở trên về nguyên nhân dẫn tới sự bắt buộc phải chia sẻ nguồn lực, đó là tính khan hiếm. Theo ngôn ngữ hàng ngày, tính khan hiếm có nghĩa là không có đầy đủ tất cả mọi thứ để phân phát cho tất cả mọi người. Trong quản lý thông tin thư viện, tính khan hiếm có thể

được hiểu là: khả năng cung cấp có hạn trước nhu cầu thực tế lớn hơn khả năng cung cấp đó từ người sử dụng thông tin. Tác động này của tính khan hiếm nguồn lực đối với hoạt động cụ thể của ngành thông tin-thư viện sẽ là một tác động nhiều mặt.

- *Thứ nhất*, đối với người sử dụng thông tin (information users), đó là sự không thoả mãn nhu cầu thông tin, gây ra những ách tắc trong khai thác TT từ phía XH làm hạn chế đến tính hiệu quả của việc khai thác Thông tin-Thư viện của bạn đọc.
- *Thứ hai*, về phía các nhà cung cấp thông tin, tính khan hiếm tạo ra tình trạng cung TT không đáp ứng được cầu về TT, làm giảm tính xã hội hoá TT. Trong khi nếu chọn một giải pháp khác (chía sẻ nguồn lực giữa các cơ sở TT-TV) trong phạm vi khu vực hoặc toàn quốc, thì tác động này lại hoàn toàn có thể hạn chế được.
- *Thứ ba*, trong thời đại bùng nổ thông tin, TT luôn luôn là khan hiếm bởi tính đổi mới liên tục của nó. Nói một cách nôm na, TT của ngày hôm nay luôn luôn ít hơn TT của ngày mai, dẫn tới hiện tượng sự thoả mãn TT của ngày hôm nay sẽ không mang ý nghĩa đảm bảo sự thoả mãn TT của ngày mai. Tính khan hiếm do đổi mới TT gây ra tạo ra nhu cầu phải thường xuyên cập nhật trong khi khả năng cập nhật của các cơ sở TT-TV không đồng bộ. Chia sẻ nguồn lực sẽ giúp giải quyết vấn đề này, vấn đề mà chúng tôi gọi là độ khan hiếm do đổi mới TT nhanh chóng.

II. Khái niệm chia sẻ nguồn lực thông tin-thư viện

Khái niệm chia sẻ nguồn lực xuất hiện phổ biến ở các công trình nghiên cứu cũng như các tài liệu về khoa học thông tin-thư viện. Từ cốt lõi trong cách dùng phổ biến của thuật ngữ, chia sẻ nguồn lực, xét bất kỳ nguồn lực nào, không chỉ bao hàm việc mỗi thư viện cho hay nhận phần của thư viện mình, mà còn tham gia vào quá trình quyết định nguồn lực này được chia sẻ như thế nào và vào việc phân phối. Nguồn lực để chia sẻ có thể là vật thể, con người, hay kinh phí và bao gồm tài liệu, biểu ghi, chuyên gia, phương tiện lưu trữ, và thiết bị như máy tính. Hai cách giải thích thuật ngữ dưới đây sẽ cung cấp sự hiểu rõ hơn về thuật ngữ này.

(1) Theo Aller Ken: Chia sẻ nguồn lực là biểu thị một phương thức hoạt động nhờ đó các chức năng thư viện được nhiều thư viện cùng chia sẻ. Mục đích là tạo ra một mạng tác động tích cực vào (a) người sử dụng thư viện và

mặt tiếp cận được nhiều tài liệu hay dịch vụ, và (b) nguồn kinh phí về mức độ cung cấp dịch vụ với chi phí thấp hơn, tăng dịch vụ ở một mức kinh phí hay có nhiều dịch vụ hơn với mức kinh phí thấp hơn nếu như hoạt động riêng lẻ.

(2) Theo Philip Senell: Chia sẻ nguồn lực chỉ là một hình thức mới của thuật ngữ đã quen thuộc, đó là hợp tác thư viện. Thực sự, hai thuật ngữ này bao hàm nhiều hoạt động tương tự, nhưng có sự khác biệt quan trọng về phương pháp. Thuật ngữ trước (hợp tác thư viện) lấy sự hiện hữu của các thư viện để xét và mô tả cách họ đạt được mục tiêu tốt hơn bằng cách làm việc cùng nhau. Thuật ngữ mới một mặt công nhận các nguồn lực nhận thức, tri thức và vật chất, mặt khác, con người tham gia vào tổ chức nhóm để tạo các quan hệ tối ưu đáp ứng nhu cầu của các thư viện.

Định nghĩa thứ (2) nhấn mạnh rằng chia sẻ nguồn lực không phải là điểm kết thúc ở bản thân nó, mà nó còn có nghĩa nâng cao dịch vụ cung cấp cho người dùng tin.

III. Chia sẻ nguồn lực: Nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển.

Hợp tác thư viện và chia sẻ nguồn lực có nguồn gốc từ ý tưởng thư viện cần phải tìm cách để cung cấp cho bạn đọc khả năng khai thác nguồn tin, không phải chỉ từ thư viện cơ sở, mà còn từ nhiều thư viện khác trong vùng hay trong khu vực. Chia sẻ nguồn lực, tri thức, cơ sở dữ liệu và dịch vụ được xem như phương tiện hợp tác có hiệu quả của các thư viện và trung tâm TT-TV, nhằm tối đa hoá khả năng phục vụ thông tin, tối đa hoá nguồn lực sẵn có của mỗi cơ sở thư viện.

Trong lịch sử phát triển của ngành thư viện, hợp tác thư viện và chia sẻ nguồn lực được xem như nhân tố quan trọng của phát triển, bởi vì nó là phương tiện để các thư viện đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của người dùng tin khi nguồn lực của mỗi thư viện riêng lẻ không đáp ứng được, đặc biệt là nhu cầu ngày càng đa dạng về thông tin trong thời đại bùng nổ TT hiện nay.

Xét về khía cạnh kinh tế, hợp tác thư viện và chia sẻ nguồn lực giúp cho thư viện nâng cao tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn, bằng cách không bổ sung những tài liệu có thể có được thông qua hợp tác thư viện và chia sẻ nguồn lực để tập trung bổ sung những tài liệu cần thiết nhất, phù hợp nhất cho đối tượng chính sử dụng thư viện cơ sở. Kết quả là, hợp tác thư viện và chia sẻ nguồn lực luôn luôn gắn chặt với nguồn tài chính sẵn có của mỗi thư viện riêng lẻ. Không một thư viện nào có đủ nguồn tài chính để mua đủ tất cả các

loại tài liệu để cung cấp đủ cho nhu cầu TT của độc giả. Hợp tác thư viện và chia sẻ nguồn lực cũng giúp làm phong phú vốn tài liệu của thư viện.

IV. Chia sẻ nguồn lực: Các phương pháp thực hiện.

Hình thức đầu tiên phổ biến nhất trong chia sẻ nguồn lực là hoạt động mượn liên thư viện (Interlibrary Loan - ILL). Để hoạt động này có thể được diễn ra, các thư viện tập hợp trong các consortium (liên kết). Các consortium này đặt ra quy tắc và cách thức mượn tài liệu từ các thư viện ngoài thư viện cơ sở là thành viên của consortium. Thường thì nếu các tài liệu bạn đọc cần là sách, sách sẽ được chuyển đến thư viện cơ sở qua đường bưu điện, nếu tài liệu bạn đọc cần là một bài tạp chí, bài tạp chí đó sẽ được photocopy và gửi qua đường bưu điện hay fax. Ngày nay, trong thời đại thông tin điện tử, thông tin bạn đọc cần tìm ở hình thức điện tử có thể được gửi tới qua con đường email.

Trước hết, muốn có hoạt động chia sẻ nguồn lực TT, bạn đọc phải biết nơi TT đang được lưu trữ. Hình thức đơn giản đầu tiên của các thành viên trong consortium là trao đổi các danh mục tài liệu sẵn có của mỗi thư viện. Hình thức này giúp cho cán bộ thư viện cũng như độc giả của một thư viện biết được nơi có thể tìm được nguồn tài liệu mình cần trong trường hợp họ không có được TL đó ở thư viện cơ sở.

Xuất bản mục lục liên hợp của một số thư viện, duy trì mục lục liên hợp và thư mục quốc gia là phương thức phổ biến trong việc cung cấp biểu ghi thư mục. Trong những thập niên cuối của TK 20 trở lại đây, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin (CNTT) và việc ứng dụng CNTT vào thư viện đã đưa đến việc truy cập nhanh chóng các hình thức thông tin thông qua việc sử dụng máy tính và mạng máy tính, bao gồm các chuẩn MARC (Machine Readable Cataloging-thư mục đọc máy), các mạng cung cấp biểu ghi thư mục cho phép chia sẻ thư mục trực tuyến và chia sẻ nguồn lực ở diện rộng: OCLC (Online Computer Library Center), RLIN (Research Library and Information Network), WLN (the Western Library Network)... Việc ứng dụng những chuẩn chung trong cấu trúc biểu ghi thư mục cũng như cấu trúc dữ liệu và cấu trúc mạng ở mức độ khu vực, quốc gia hay quốc tế là yêu cầu bắt buộc đối với thư viện nếu muốn tham gia vào quá trình chia sẻ nguồn lực thông tin.

Một chương trình hợp tác và chia sẻ nguồn lực đích thực cung cấp cho bạn đọc một lượng tài liệu ở diện rộng hơn rất nhiều (Much broader range of materials). Nhiều hơn nhiều so với khả năng có thể của một TV làm việc đơn lẻ.

Tổ chức và quản lý : Chia sẻ nguồn lực có thể được thực hiện ở bất kỳ mức nào từ quốc gia đến địa phương và có thể theo nhiều cách khác nhau. Công trình của UNESCO trong những năm 70, cho thấy hợp tác với các tổ chức như Liên hiệp thư viện quốc tế đã đưa tới sự thành lập hiệp hội thư viện (IFLA- International Federation of Library Associations and Institutions) dẫn đến việc thiết lập 2 chương trình hỗ trợ mà sau này được sát nhập lại: UNISIST tập trung vào phát triển hệ thống thông tin khoa học thế giới, NATIS đưa ra những yêu cầu về các dịch vụ thông tin thư viện cho các kế hoạch về kinh tế và phát triển xã hội. IFLA lãnh đạo 2 chương trình chính: UBC (Universal Bibliographic control) tìm kiếm những dữ liệu của tất cả các xuất bản phẩm trong nước, UAP (Universal availability of Publications) (với mục tiêu là truy cập các ấn phẩm ở mọi tầng bậc, bao gồm cả các xuất bản phẩm mới và cả những bản sao cuối cùng. Dựa trên nguyên tắc mọi quốc gia đều phải truy cập đến bản chính. Cả 2 chương trình này nếu được phát triển toàn diện, việc chia sẻ nguồn lực sẽ mang lại ý nghĩa sâu sắc.

Ở mức độ quốc gia, phương pháp tập trung hoá mượn liên thư viện ở Anh được thực hiện. Trong khi đó, kế hoạch cho thiết lập thông tin ấn phẩm định kỳ (Periodicals) quốc gia ở Mỹ bị đổ vỡ vì không đạt được thoả thuận giữa các thư viện về việc cần vận hành như thế nào, bởi vì truyền thống tự quản theo bang (State autonomy) và bởi thiếu nguồn tài chính liên bang. Chia sẻ nguồn lực ở Mỹ chủ yếu được định tính bởi các mạng do tư nhân tài trợ và các như RLG's RLIN, (RLG= Research Library Group), OCLC và các mạng vùng hay bang như WLN.

V. Chia sẻ nguồn lực- ví dụ từ USA.

Vào đầu những năm 80, với sự phát triển của máy tính và công nghệ viễn thông, các thư mục sách, thư mục liên hợp quốc gia ở dạng in ấn và thư mục dưới dạng vi phim không còn đáp ứng các nhu cầu tìm tin của độc giả. Các tiện ích thư mục ra đời: OCLC, RLIN, WLN cung cấp khả năng xác định nhanh chóng địa chỉ của nguồn tin trên mạng thư mục. Cùng với nó là các tổ hợp thư viện ra đời, có vai trò đáp ứng nhu cầu tìm tin của độc giả một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các consortia đã chọn một số phương pháp hỗ trợ cho việc chia sẻ nguồn lực.

Dự án NAILLD (North American and Interlibrary Loan Document Delivery Project) là một ví dụ. Consortia đã thiết lập mục lục liên hợp (Union Catalog) và Mục lục liên hợp ảo (Virtual Union Catalog), với các biểu ghi thư

mục có đính kèm tên các thư viện có tài liệu đó, kết nối với dữ liệu cho mượn (circulation data). Việc kết nối này cho phép người sử dụng có thể tra tìm tài liệu, gửi yêu cầu về tài liệu trực tiếp đến thư viện thành viên của consortia và tư liệu cần mượn sẽ được gửi tới người sử dụng thông qua thư viện cơ sở của họ. Một phiên bản khác, "data Reread Associate's Classic System" cho phép bạn đọc tìm tài liệu trên thư mục liên hợp, nêu yêu cầu, TV có tài liệu nhận yêu cầu và thực hiện việc cho mượn thông qua hệ thống.

Ở Boston Library Consortium (BLC), một tổ chức của 16 thư viện ĐH và nghiên cứu ở Massachusetts và Rhode Island, tham gia trong dự án thư mục ảo (a Virtual Catalog Project) do Ban điều hành Thư viện Massachusetts (Massachusetts Board of Library Commissioners) cấp một phần kinh phí. Dự án kết nối các TV riêng lẻ của các thành viên BLC với thư mục của mạng thư mục Massachusetts. Một khi việc lắp đặt phần mềm hoàn thành, độc giả của BLC sẽ có khả năng tra cứu trên 25 triệu tài liệu trong các bộ sưu tập và có thể xác định được ngay địa chỉ tài liệu. Con số này có thể tăng tới 56 triệu một khi mạng dự án được hoàn thành. Dự án được thực hiện theo từng giai đoạn, giai đoạn đầu, các nhân viên thư viện của các thư viện tham gia dự án bắt đầu tra cứu thư mục vào mùa thu năm 2000, độc giả bắt đầu sử dụng thư mục vào mùa xuân 2001. Consortium đóng vai trò như nhà cung cấp tài chính cho dự án, lãnh đạo các thư viện thành viên, hỗ trợ họ trong nắm bắt công nghệ, dự đoán nhu cầu của các thành viên và các bộ phận cấu thành của họ. The consortium không ngừng khám phá các phương pháp mới trong phân phát thông tin, gợi ý các phương pháp giao tiếp, v..v.

Dự án làm thắm nhuần ý thức hợp tác của các thành viên trong consortium và làm cho hoạt động chia sẻ nguồn lực phát triển mạnh mẽ hơn, đáp ứng nhu cầu thông tin của độc giả một cách nhanh chóng và hiệu quả.

VI. Khả năng và giải pháp chia sẻ nguồn lực thông tin tại Việt Nam

VI.1. Khả năng

VI.1.1 *Yếu tố tổ chức, quản lý*

Một số hệ thống lớn đã có liên hiệp, hiệp hội hoặc được chỉ đạo chặt chẽ theo ngành dọc như hệ thống thư viện công cộng, hệ thống thư viện quân đội hay hệ thống thư viện đại học. Trong từng hệ thống này, bước đầu có sự hợp tác, liên kết chia sẻ nguồn lực. Thậm chí, một số thư viện lớn ở các hệ thống khác nhau (TVQG, TTTTLKHCNQG, TTTTVDHQG...) đã có

chung kinh nghiệm thực tiễn về xây dựng mục lục liên hợp. Đặc biệt, với sự ra đời của Hội thư viện Việt Nam vào cuối năm 2006 vừa qua. Chắc chắn, việc kết nối, phối hợp hoạt động của các hệ thống trong chương trình chia sẻ nguồn lực thông tin quốc gia sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ.

VI.1.2 Cơ sở hạ tầng CNTT ở Việt Nam

Theo đánh giá của các chuyên gia, Việt Nam là một trong những nước có tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng CNTT nhanh. Các chính sách ưu đãi, tập trung đầu tư của nhà nước đã khiến hạ tầng CNTT không chỉ phát triển rộng khắp, phổ biến trong toàn quốc mà còn phát triển theo chiều sâu, đạt tới chất lượng cao tại nhiều bộ, ngành, cơ quan, trường học... Ngoài mạng cục bộ đã được thiết lập tại hầu hết các cơ sở đào tạo, NCKH, các cơ quan thông tin, thư viện, nhiều mạng diện rộng của các bộ ngành đã hoạt động rất có hiệu quả. Truy nhập Intranet và Internet đã trở thành nhu cầu thường xuyên của không ít cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, của học sinh, sinh viên. Đây là cơ sở vật chất quan trọng, đảm bảo cho việc triển khai các chương trình, dự án chia sẻ nguồn lực thông tin.

VI.1.3 Tính chuẩn

Sau một thời gian hoạt động, nâng cấp, phát triển mang yếu tố cục bộ, tự phát, gần đây, các hệ thống thông tin, thư viện Việt Nam đã ý thức đầy đủ hơn về việc nghiên cứu, xây dựng chuẩn chung để áp dụng trong toàn bộ chu trình công tác, đặc biệt trong nghiệp vụ xử lý tài liệu. Yêu tố chuẩn này đòi hỏi cao hơn phạm vi quốc gia. Nhu cầu được mở rộng khai thác thông tin, tư liệu ra ngoài của bạn đọc khiến các thư viện phải tìm đến các chuẩn quốc tế. Chính sách mở cửa, mở rộng trao đổi thông tin tạo điều kiện cho nhiều cán bộ thông tin, thư viện trong nước được tiếp cận với các quy chuẩn thư viện hiện đại nước ngoài, cũng như nhiều giáo sư, chuyên gia nước ngoài tới giảng dạy, tập huấn về chuẩn nghiệp vụ cho cán bộ thư viện Việt Nam. Thậm chí, một số dự án hiện đại hoá thư viện do nước ngoài tài trợ, đầu tư hoặc cho vay vốn còn được tư vấn về chuẩn nghiệp vụ từ các hội thảo quốc tế. Trên cơ sở đó, một số thư viện lớn, đầu ngành của Việt Nam đã có dịp trao đổi, thảo luận cùng các chuyên gia nước ngoài và đã xây dựng được chuẩn cơ bản cho thư viện Việt Nam về biên mục, bảng phân loại, cấu trúc CSDL và những tiêu chuẩn chính cho lựa chọn phần mềm quản trị thư viện. Có thể nói, cho đến nay, chuẩn thư viện Việt Nam đã được định hướng, đảm bảo tính tương thích, phù hợp cao với quốc tế. Gần đây nhất, một điều kiện cực kỳ thuận lợi cho

việc nâng cao chất lượng hoạt động thông tin – thư viện nói chung và chia sẻ nguồn lực thông tin nói riêng là văn bản hướng dẫn của Bộ Văn hóa – Thông tin, khuyến khích các thư viện trong cả nước áp dụng Bảng Phân loại DDC, Khổ mẫu MARC và Quy tắc biên mục AACR2

VI.1.4 Thư mục tiện ích và CSDL dùng chung

Chắc chắn còn cần nhiều thời gian và đầu tư để xây dựng các thư mục tiện ích kiểu OCLC hay RLIN và CSDL dùng chung ở Việt Nam. Tuy nhiên, từ nhiều năm trước, ý tưởng này đã được đề xướng và hiện nay đang bắt đầu thực hiện. Ngay từ khi tái lập, Liên hiệp thư viện đại học khu vực Hà nội đã lên kế hoạch phối hợp xây dựng mục lục liên hợp giữa các thư viện đại học phía Bắc (từ Huế trở ra). Chương trình hợp tác giữa LIC và VDC giai đoạn đầu có nội dung thực hiện việc chia sẻ các tài nguyên công cộng của mỗi bên bao gồm CSDL thư mục, sách điện tử và các tài liệu điện tử khác. Sau này, chương trình hợp tác sẽ mở rộng kết nối tới các thư viện đại học thành viên của Liên hiệp.

VI.2. Giải pháp

- Một mặt, củng cố, hoàn thiện các hệ thống thư viện ngành. Trước mắt, tập trung củng cố hệ thống thư viện công cộng, đứng đầu là thư viện Quốc gia Việt Nam. Trong phạm vi hẹp hơn: các khu vực như cụm các tỉnh miền núi phía Bắc, cụm các tỉnh vùng Duyên hải Bắc bộ, cụm các tỉnh Bắc Trung bộ... cần được liên kết chặt chẽ hơn làm cơ sở cho sự phối hợp chung. Tương tự như vậy, từ các Liên hiệp TVĐH phía Bắc và Liên hiệp TVĐH phía Nam - là đầu mối cho 2 khu vực lớn, cần thực hiện việc sát nhập thành một Liên hiệp TVĐH thống nhất toàn quốc... Mặt khác, cần hình thành các tổ hợp theo khu vực địa lý, không phân biệt thư viện đó thuộc hệ thống nào. Như vậy sẽ rất thuận lợi cho việc tổ chức triển khai, quản lý mạng (vật lý).
- Hoàn thiện việc thiết lập mạng cục bộ tại từng cơ sở thư viện và trung tâm thông tin. Kết nối mạng giữa các thư viện trong cùng một hệ thống và giữa các hệ thống trong phạm vi từng tỉnh thành, từng khu vực (bắc, trung, nam) và toàn quốc. Giai đoạn đầu có thể kết nối theo đường điện thoại, sau hình thành các đường truyền riêng của mình.
- Tiếp tục hoàn thiện văn bản quy định áp dụng các chuẩn nghiệp vụ trong phạm vi cả nước và từng hệ thống, phổ biến và hướng dẫn các đơn vị thành viên áp dụng.

- Xây dựng một số CSDL dùng chung: không chỉ cho các thư viện và trung tâm thông tin mà có thể phối hợp với nhiều cơ quan tổ chức khác.
- Đào tạo, huấn luyện cán bộ về các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tổ chức, xử lý, phân phối, chia sẻ nguồn lực thông tin cũng như các nguyên tắc, quy trình, thủ tục tiến hành hoạt động phối hợp này.

Tài liệu tham khảo

1. Barbara Preece & Joan Thompson. *Union Catalogs and Virtual Union Catalog - Repositioning Interlibrary Loan*, a report at IFLA Boston 2001.
2. Ching-Chih Chen, ed. *NIT'98 Proceeding*.
3. Evans G. Edward (1995). *Developing Library and information center collections*, 3rd. ed. Library Unlimited, INC. Englewood, Colorado.
4. Richard De Gennaro. *Resource Sharing in a network environment* . Library Journal (1980)
5. Maurice Line. *Resource Sharing: The Present Situation and the Likely Effect of Electronic Technology*. The future of serials: publication, Automation, and Management (1984)
6. Rose Mary Magrill. *The Concept of Resource Sharing*. Canadian Library Journal (1978).
7. H.D.L. Vervliet (1979). *Resource Sharing of Libraries in Developing countries*.
8. Nguyen Huy Chuong. *Automating Vietnam's Academic Libraries: The Example of Vietnam National University*. Asian Library, Vol7, 1998.
9. Nguyễn Huy Chương. *Thư viện đại học Mỹ - Một số cải cách chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo*. Tạp chí Khoa học-Khoa học Xã hội, tXVNo4,1999.
10. Liên hiệp Thư viện Đại học Khu vực Phía Bắc. *Phương hướng và Chương trình hành động của LHTVĐHKVPB nhiệm kỳ 2006-2008*.